

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN

VŨ THỊ BÍCH NGỌC*

Ngày nhận: 4/2/2024
Ngày phản biện: 28/2/2024
Ngày duyệt đăng: 18/3/2024

Tóm tắt: Bài viết dựa trên kết quả khảo sát nghiên cứu của đề tài cấp cơ sở: "Ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập của sinh viên Trường Đại học Công đoàn". Với số liệu được khảo sát từ 416 sinh viên các khóa, ngành của Trường Đại học Công đoàn. Dữ liệu được khảo sát tháng 12/2023. Phương pháp nghiên cứu chính trong đề tài là trưng cầu ý kiến, phỏng vấn sâu và phân tích tài liệu. Trong phạm vi bài viết này, hai nội dung chính được thể hiện là: (1) Khái niệm công cụ; (2) Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập của sinh viên. Kết quả nghiên cứu đã thể hiện thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập của sinh viên Trường Đại học Công đoàn qua một số chiều cạnh. Trong đó có thể thấy những hiệu quả cũng như một số hạn chế từ ứng dụng Công nghệ thông tin trong học tập của sinh viên.

Từ khóa: Công nghệ thông tin; học tập; sinh viên; ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập.

INFORMATION TECHNOLOGY APPLICATION IN LEARNING OF STUDENTS AT TRADE UNION UNIVERSITY

Abstract: The article is based on the research survey results of the grassroots project: "Application of information technology in the learning of students at Trade Union University". With data surveyed from 416 students of all courses and majors at Trade Union University. Data was surveyed in December 2023. The main research methods in the topic are opinion polls, in-depth interviews and document analysis. Within the scope of this article, two main contents are presented: (1) Tool concept; (2) Current status of information technology application in student learning. The research results have shown the current status of information technology application in learning of students at Trade Union University through a number of aspects. In it we can see the effectiveness as well as some limitations from the application of Information Technology in student learning.

Keywords: Information technology; learning; students; information technology application in learning.

1. Đặt vấn đề

Ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập là phương pháp đã được ứng dụng rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Trong giai đoạn dịch Covid-19, từ đầu năm 2020 đến nay, ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong học tập được sử dụng phổ biến hơn ở tất cả các nhóm, trong đó có sinh viên. Trong bài viết này, ứng dụng CNTT trong học tập của sinh viên Trường Đại học Công đoàn được tiếp cận dưới những chiều cạnh như sau: (1) Một số phần mềm được sinh viên sử dụng trong học tập; (2) Mục đích sử dụng CNTT trong học tập của sinh viên; (3) Ứng dụng CNTT trong nghiên cứu khoa học của sinh viên; (4) Ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao kỹ năng cho sinh viên.

2. Nội dung thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập của sinh viên

2.1. Khái niệm công cụ

2.2.1. Công nghệ thông tin

Công nghệ thông tin hay còn gọi là IT (Information

Technology) là thuật ngữ bao gồm phần mềm, mạng lưới internet, hệ thống máy tính sử dụng cho phân phối và xử lý dữ liệu cũng như trao đổi, lưu giữ và sử dụng thông tin [1].

Trong hệ thống giáo dục phương Tây, CNTT đã được chính thức tích hợp vào chương trình học phổ thông. Người ta đã nhanh chóng nhận ra rằng nội dung về CNTT đã có ích cho tất cả các môn học khác. Với sự ra đời của Internet mà các kết nối bằng thông rộng tới tất cả các trường học, áp dụng của kiến thức, kỹ năng và hiểu biết về CNTT trong các môn học đã trở thành hiện thực [2].

Ở Việt Nam thì khái niệm CNTT được hiểu và định nghĩa trong Nghị quyết 49/CP ký ngày 04/08/1993 về phát triển công nghệ thông tin của chính phủ Việt Nam như sau: "Công nghệ thông tin là tập hợp các phương pháp khoa học, các phương tiện và công cụ kỹ thuật hiện đại - chủ yếu là kỹ thuật máy tính và viễn thông - nhằm tổ chức khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên

* Trường Đại học Công đoàn

thông tin rất phong phú và tiềm năng trong mọi lĩnh vực hoạt động của con người và xã hội".

Trong nghiên cứu này CNTT được hiểu là hệ thống máy tính và các phần mềm, mạng lưới internet mà sinh viên có thể sử dụng để khai thác có hiệu quả trong quá trình học tập.

2.2.2. Ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập

Điều 4, Luật Công nghệ thông tin 2006 nêu rõ: "Ứng dụng công nghệ thông tin là việc sử dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội, đối ngoại, quốc phòng, an ninh và các hoạt động khác nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của các hoạt động này" [3].

Với phương pháp học mới dùng đa phương tiện để học tập. Sinh viên không cần tích lũy mọi thông tin bằng việc ghi nhớ. Điều họ cần biết là làm sao tìm và quản lí thông tin được cần vào thời điểm đặc biệt cho một nhiệm vụ đặc biệt. Họ cần biết cách xử lý thông tin mà họ có thể dễ dàng truy lục qua công nghệ như internet. Giảng viên không cần rót tri thức vào đầu của sinh viên. Thầy giáo không còn phải biết mọi câu trả lời hay là "nguồn của mọi tri thức". Thay vì thế, thầy giáo trở thành "người hướng dẫn cho cuộc hành trình học tập" hướng dẫn, khuyến khích, kèm cặp, hỗ trợ quá trình học tập [4].

Trong nghiên cứu này thì ứng dụng CNTT là hành vi sinh viên sử dụng CNTT vào các hoạt động học tập. Nói cách khác, ứng dụng CNTT trong học tập là hành động có ý thức, có chủ đích của sinh viên sử dụng những tiện ích của CNTT vào quá trình học tập của bản thân. Họ có thể sử dụng nhiều ứng dụng khác nhau, nhiều phần mềm khác nhau, với tần suất khác nhau tùy sinh viên từng ngành cũng như tùy sở thích mỗi người.

2.2. Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập của sinh viên

2.2.1. Một số phần mềm được sinh viên sử dụng trong quá trình học tập

Có rất nhiều phần mềm để sử dụng cho việc học tập. Trong khảo sát này, nhóm nghiên cứu đã thực hiện trưng cầu ý kiến và kết quả được thể hiện cho thấy sinh viên sử dụng những phần mềm cho học tập và đánh giá hiệu quả ở *bảng 1*.

Qua *bảng 1*, ta thấy với phần mềm Microsoft Office được sinh viên Trường Đại học Công đoàn đánh giá hiệu quả và rất hiệu quả là 74,1%. Đây là phần mềm văn phòng hữu ích trong học tập. Sinh viên có thể sử dụng phần mềm này để ghi chép thay vì phải chép bài vào vở. Ghi chép bài tập bằng ứng dụng Word của Microsoft Office giúp lưu giữ

Bảng 1: Đánh giá của sinh viên về loại phần mềm và hiệu quả trong học tập của (Tỷ lệ %)

| STT | Các phần mềm | Mức độ đồng tình | | | | |
|-----|------------------------------|--------------------|----------------|-------------|----------|--------------|
| | | Rất không hiệu quả | Không hiệu quả | Bình thường | Hiệu quả | Rất hiệu quả |
| 1 | Mendeley Desktop | 9,4 | 8,9 | 40,6 | 27,2 | 13,9 |
| 2 | Microsoft Office | 1,6 | 4,7 | 19,7 | 32,1 | 42,0 |
| 3 | Google Slides | 3,3 | 5,4 | 28,8 | 31,5 | 31,0 |
| 4 | Cambly | 9,8 | 13,2 | 36,8 | 25,9 | 14,4 |
| 5 | Prep | 7,4 | 12,6 | 36,6 | 26,3 | 17,1 |
| 6 | Canva | 0,5 | 3,2 | 22,8 | 31,7 | 41,8 |
| 7 | Google Translate | 3,2 | 8,1 | 23,1 | 31,2 | 34,4 |
| 8 | Duolingo | 4,4 | 9,4 | 26,7 | 33,3 | 26,1 |
| 9 | TFlat Dictionary | 4,8 | 7,5 | 22,0 | 30,1 | 35,5 |
| 10 | Oxford Dictionary of English | 2,2 | 6,1 | 27,6 | 31,5 | 32,6 |

(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài tháng 12/2023)

tài liệu học tập được lâu và hạn chế sử dụng giấy bút. Nhưng để thực hiện được việc ghi chép bằng máy tính thì đòi hỏi sinh viên phải có laptop hay máy tính bảng. Đồng thời các phòng học cũng phải trang bị đầy đủ cơ sở vật chất như ổ cắm, dây điện để sinh viên có thể tiện sạc máy tính.

Đối với phần mềm Canva thì mức độ hiệu quả và rất hiệu quả được sinh viên đánh giá là 73,5%. Canva là phần mềm thiết kế slide hình ảnh dễ dàng nhanh chóng. Đây là một công cụ hỗ trợ sinh viên tạo ra những thiết kế mới hoàn toàn hoặc sử dụng những mẫu thiết kế có sẵn. Đồng thời ứng dụng Canva có thể dễ dàng chèn câu mô tả hình ảnh hay đoạn văn bản. Với hơn 500 loại phông chữ đa dạng tùy ý lựa chọn. Những hiệu quả của ứng dụng Canva hỗ trợ sinh viên nhiều trong những phần trình bày báo cáo trước lớp hay thực hiện bài tập nhóm. Đối với sinh viên, việc lựa chọn Canva là phần mềm thiết kế miễn phí giúp họ có thể tiết kiệm chi phí nhưng lại có những slide hình ảnh đẹp. Đây là minh chứng cho hiệu quả của ứng dụng CNTT trong học tập của sinh viên.

Về phần mềm Google Translate được sinh viên đánh giá hiệu quả và rất hiệu quả là 65,5%. Với kết quả này có thể thấy sinh viên rất cần phần mềm dịch ngôn ngữ. Dữ liệu khảo sát cũng cho thấy tính năng động trong tìm kiếm tài liệu bằng tiếng nước ngoài để bổ sung trong quá trình học tập của sinh viên. Lợi ích của Google Translate có thể tóm tắt như sau: (1) Google Translate cung cấp hỗ trợ dịch cho hơn 100 ngôn ngữ, và đây được coi là một bước tiến lớn trong lĩnh vực công nghệ dịch thuật. (2) Google Translate hoàn toàn miễn phí, nhanh chóng và chính xác so với các công cụ trực

tuyến khác. (3) Google dịch rất nhanh. Nhanh tới mức không có dịch giả hoặc nhóm dịch giả nào có thể hy vọng cạnh tranh với công cụ này. Một chuyên gia có thể dịch 3000 từ/ 8 giờ, nhưng Google Translate có thể làm điều đó trong chớp mắt - và đơn giản bạn chỉ nhấp chuột là xong. Google dịch sử dụng khả năng dịch, tiếp cận thống kê. Nhưng điểm hạn chế của Google Translate khi học tiếng Anh là: (1) Khi gặp một cụm từ khó dịch Google Translate sẽ cung cấp cho bạn một đoạn văn khó hiểu, thiếu tự nhiên và rất thô kệch. (2) Google Translate tạo ra nhiều bản dịch lỗi. (3) Chất lượng của Google Translate thay đổi trong các cặp ngôn ngữ dịch thuật [5]. Có thể thấy với những ưu điểm của Google Translate giúp sinh viên tìm kiếm tài liệu nước ngoài và dịch ra tiếng Việt một cách dễ dàng. Theo một chiều cạnh khác, trong bối cảnh toàn cầu hóa, CNTT là một kênh hữu ích để người học, người nghiên cứu thậm chí là giảng viên giảng dạy cũng có thể tìm được tài liệu để bổ sung kiến thức một cách nhanh hơn. Nhưng việc lạm dụng Google Translate sẽ khiến sinh viên lười học ngoại ngữ, ngại trau dồi kỹ năng dịch và đọc tài liệu nước ngoài.

Trong khảo sát về cách thức sinh viên Trường Đại học Công đoàn tìm kiếm tài liệu trên các ứng dụng. Kết quả khảo sát cho thấy đa số sinh viên tìm kiếm tài liệu trên ứng dụng Google Chrome, tỷ lệ này chiếm 92,3%, tiếp đó là ứng dụng Facebook với tỷ lệ 86,1%. Sinh viên tự tìm hiểu cách tìm tài liệu trực tuyến là 15,9%. Những người hướng dẫn cách tìm kiếm tài liệu trực tuyến cho sinh viên chiếm tỷ lệ cao nhất là bạn bè (81%) và thầy, cô/cán bộ nhà trường (67%). Ngoài ra sinh viên cũng sử dụng ChatGPT trong quá trình học tập. Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên sử dụng ChatGPT cho việc học tập được thể hiện như sau:

Bảng 2: Đánh giá của sinh viên về hiệu quả sử dụng ChatGPT trong học tập

| STT | Nội dung | Giá trị trung bình (Mean) | Độ lệch chuẩn (Std. Deviation) |
|-----|------------------------------------|---------------------------|--------------------------------|
| 1 | Tra cứu thông tin cho việc học tập | 4.2308 | .80134 |
| 2 | Tổng hợp lại những thông tin | 4.0769 | 1.14371 |
| 3 | Dịch sang ngôn ngữ khác | 4.0000 | .87917 |
| 4 | Tạo ý tưởng, nội dung và viết bài | 4.1769 | .91886 |
| 5 | Trả lời những câu hỏi khó | 4.0000 | .87917 |
| 6 | Tra cứu các số liệu thống kê | 4.0769 | .83049 |
| 7 | Tìm giải pháp của một vấn đề | 4.0769 | 1.1437 |

(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài tháng 12/2023)

Đánh giá mức độ hiệu quả của ChatGPT đến học tập của sinh viên được thể hiện ở mức điểm khá cao. Trong đó sinh viên sử dụng ChatGPT cho mục đích học tập là "Tra cứu thông tin cho việc học tập" là 4.2308/5 điểm. Tiếp đến là "Tạo ý tưởng, nội dung và viết bài" với 4.1769 /5 điểm; "Tổng hợp lại những thông tin" với 4.0769/5 điểm. Với đánh giá hiệu quả của ứng dụng ChatGPT trong "Dịch sang ngôn ngữ khác" là thấp nhất trong đánh giá của sinh viên. Như vậy, có thể thấy ChatGPT cũng là ứng dụng được sinh viên sử dụng với nhiều hình thức khác nhau trong học tập.

Ứng dụng CNTT trong học tập có thể giúp sinh viên tiếp cận với cả những ứng dụng AI thông minh để giải đáp những câu hỏi, những bài tập được giao. Nhưng ChatGPT hiện nay vẫn có thể có những sai sót và giới hạn những chủ đề tự nhiên và sáng tạo, không chịu trách nhiệm về những thông tin nó cung cấp. Ở thời điểm hiện tại, chỉ nên coi ChatGPT như một tài nguyên tham khảo với mục đích học tập hoặc tìm kiếm thông tin, chứ không nên coi đây là một nguồn tin tuyệt đối để đưa ra các quyết định quan trọng[6]. Học tập lại là quá trình khám phá tri thức, vì vậy không nên quá lạm dụng và dựa vào trí tuệ nhân tạo. Hơn nữa, những thông tin từ ChatGPT lại thiếu kiểm chứng, và đối sánh nên khi sử dụng những kết quả từ ChatGPT cũng đòi hỏi sự cân nhắc từ phía sinh viên.

2.2.2. Mục đích sử dụng công nghệ thông tin trong học tập của sinh viên

Mục đích sử dụng CNTT của sinh viên trong học tập được thể hiện qua kết quả khảo sát *bảng 3*.

Kết quả nghiên cứu cho thấy đa số sinh viên sử dụng CNTT trong học tập ở mức độ Thường xuyên và Rất thường xuyên. Trong đó tỷ lệ lớn nhất là sinh viên thường xuyên và rất thường xuyên "Sử dụng CNTT để học các kỹ năng cho bản thân" chiếm tỷ lệ 69,7%. Tương tự với mục đích là "Sử dụng thư viện số để tra cứu tài liệu" chiếm tỷ lệ 52,8%.

Một trong những ưu điểm lớn nhất của thư viện số là khả năng truy cập tài liệu một cách dễ dàng và tiện lợi. Với thư viện số, sinh viên có thể truy cập vào các tài liệu mọi lúc mọi nơi, từ bất cứ thiết bị nào kết nối với internet như máy tính, điện thoại di động, máy tính bảng và nhiều thiết bị khác. Ngoài ra, thư viện số còn giúp tiết kiệm thời gian và chi phí đi lại đến thư viện truyền thống để tra cứu tài liệu. Thư viện số cũng cung cấp cho người dùng nhiều lợi ích khác như tính bảo mật và

Bảng 3: Mục đích sử dụng công nghệ thông tin trong học tập của sinh viên (Tỷ lệ %)

| STT | Mục đích ứng dụng công nghệ thông tin | Rất không thường xuyên | Không thường xuyên | Bình thường | Thường xuyên | Rất thường xuyên |
|-----|---|------------------------|--------------------|-------------|--------------|------------------|
| 1. | Sử dụng thư viện số để tra cứu tài liệu (n=416) | 7 | 10,1 | 30 | 20,1 | 32,7 |
| 2. | Sử dụng phần mềm để quản lý thời gian (n=416) | 11,5 | 13,7 | 32 | 20,2 | 22,6 |
| 3. | Sử dụng phần mềm để học trực tuyến (n=416) | 2,9 | 7,5 | 30,3 | 31 | 28,4 |
| 4. | Tham gia hoạt động trên các diễn đàn học tập (n=416) | 8,2 | 12,3 | 28,1 | 26 | 25,5 |
| 5. | Sử dụng công nghệ thông tin để học các kỹ năng cho bản thân (n=416) | 3,8 | 3,8 | 22,6 | 32,2 | 37,5 |

(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài tháng 12/2023)

tiện lợi. Người dùng không cần phải đến thư viện trực tiếp để đọc tài liệu, mà chỉ cần đăng nhập và tìm kiếm trong cơ sở dữ liệu thư viện số. Thư viện số còn cho phép người dùng đọc tài liệu trực tuyến hoặc tải về tài liệu để đọc offline sau này[7], [8]. Như vậy, việc có máy tính kết nối internet có thể giúp sinh viên tìm kết nối với các thư viện số để tra cứu tài liệu là một trong những cách tiết kiệm chi phí mà lại vô cùng hiệu quả.

Tuy nhiên, về phía nhà trường cũng cần xây dựng hệ thống thư viện số đáp ứng nhu cầu học tập và tìm kiếm tài liệu của sinh viên. Bên cạnh đó, về phía sinh viên khi tìm kiếm tài liệu từ các thư viện số hay trên các trang mạng điện tử cũng rất cần lựa chọn những nguồn tài liệu cho phù hợp với việc học tập.

2.2.3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong thu thập thông tin, xử lý thông tin, viết báo cáo

Nghiên cứu khoa học là một phần tất yếu, đáp ứng đúng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Sinh viên cần phải biết thực hiện nghiên cứu khoa học trong những năm ngồi trên ghế nhà trường. CNTT là phương tiện hữu ích để sinh viên có thể thu thập thông tin, xử lý thông tin, lưu trữ thông tin. Việc khảo sát thông qua Google form là một trong những cách thu thập thông tin nhanh, hữu ích, tiết kiệm chi phí, từ đó có thể giúp cho sinh

viên không quá ngại khi tham gia nghiên cứu khoa học hay thực hiện các bài tập trên lớp.

Dữ liệu khảo sát của nhóm nghiên cứu cho thấy những phần mềm sinh viên thường sử dụng trong thu thập thông tin:

Bảng 4: Những phần mềm sinh viên sử dụng để thu thập thông tin và lưu trữ tài liệu

(Đơn vị: %)

| Các phần mềm | Mức độ đồng tình | | | | |
|----------------------|--------------------|----------------|-------------|----------|--------------|
| | Rất không hiệu quả | Không hiệu quả | Bình thường | Hiệu quả | Rất hiệu quả |
| Google Trang tính | 2,0 | 3,0 | 25,9 | 34,0 | 35,0 |
| Google Biểu mẫu | 2,0 | 4,1 | 25,5 | 33,7 | 34,7 |
| Google Tài liệu | 1,0 | 4,2 | 24,5 | 31,3 | 39,1 |
| Microsoft Word | 0,5 | 2,6 | 21,4 | 30,6 | 44,9 |
| Microsoft Powerpoint | 0,5 | 2,6 | 21,4 | 30,5 | 44,8 |
| Microsoft Excel | 1,0 | 3,0 | 21,2 | 31,8 | 42,9 |
| Microsoft Onenote | 8,7 | 6,6 | 38,8 | 26,2 | 19,7 |
| Mendeley Desktop | 10,3 | 7,6 | 36,4 | 26,1 | 19,6 |

(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài tháng 12/2023)

Từ bảng số liệu trên, phần mềm Microsoft Word, Microsoft Powerpoint, Microsoft Excel là những phần mềm được sinh viên sử dụng thường xuyên và đánh giá hiệu quả cao trong quá trình học tập. Tiếp theo là Google Trang tính, Google Biểu mẫu, Google Tài liệu được sinh viên đánh giá cao trong quá trình thu thập thông tin và lưu trữ tài liệu.

Microsoft Onenote và Mendeley Desktop được sinh viên đánh giá hiệu quả dưới mức trung bình. Mendeley Desktop là phần mềm lưu trữ tài liệu và công cụ quản lý trích dẫn tài liệu tham khảo miễn phí rất hiệu quả. Nhưng mức độ đánh giá hiệu quả của sinh viên đối với phần mềm này trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học chưa cao. Nguyên nhân có thể sinh viên chưa biết đến nhiều hoặc chưa sử dụng nhiều phần mềm này. Đây có thể là gợi ý tốt để giảng viên trong quá trình hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học và làm khóa luận tốt nghiệp có thể trực tiếp hướng dẫn cho sinh viên.

Xử lý thông tin để viết báo cáo trong nghiên cứu khoa học rất quan trọng đối với sinh viên. Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên sử dụng những phần mềm xử lý thông tin SPSS là nhiều nhất với tỷ lệ (62,2%). Đây là phần mềm hỗ trợ sinh viên có thể thực hiện hiện những thao tác với thống kê mô tả, thống kê suy luận để kiểm định các giả thuyết trong nghiên cứu khoa học. Phần mềm này hiện được giảng dạy cho sinh viên khoa Xã hội học, khoa Công tác xã hội của trường Đại học

Công đoàn. Trên thực tế, nếu môn học này được triển khai rộng rãi cho sinh viên của các khoa thì có thể nâng cao hoặc là nhân rộng năng lực nghiên cứu khoa học trong sinh viên của trường.

2.2.4. Ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao kỹ năng của sinh viên

Bên cạnh việc ứng dụng CNTT trong việc ghi chép, tra cứu tài liệu, dịch ngôn ngữ, lên kế hoạch cho việc học thì sinh viên cũng có thể ứng dụng CNTT cho việc học tập nâng cao các kỹ năng của mình. Các kỹ năng không chỉ được rèn luyện trong suốt quá trình đào tạo, mà còn bao gồm cả những kinh nghiệm cá nhân được tích lũy trong cuộc sống. Kỹ năng được quan niệm như là khả năng biết xử lý một tình huống phức tạp. Đây không đơn giản chỉ là kiến thức mà còn là khả năng vận dụng những kiến thức đó vào những tình huống nghề nghiệp cụ thể [9]. Đối với sinh viên là lực lượng chuẩn bị bước vào thị trường lao động thì các kỹ năng lại càng hết sức quan trọng. Những sinh viên chủ động nâng cao kiến thức, kỹ năng của mình thì khả năng thuyết phục nhà tuyển dụng lại càng cao.

Kết quả nghiên cứu thể hiện ứng dụng CNTT trong học kỹ năng đáp ứng nhu cầu tìm kiếm việc làm sau khi ra trường.

Bảng 5: Tỷ lệ sinh viên ứng dụng công nghệ thông tin để học thêm những kỹ năng

(Tỷ lệ %)

| STT | Kỹ năng | Số lượng | Tỷ lệ |
|-----|---------------------------------|----------|-------|
| 1. | Kỹ năng Tin học văn phòng | 142 | 34,1 |
| 2. | Kỹ năng giao tiếp và đàm phán | 50 | 12,0 |
| 3. | Kỹ năng làm báo cáo | 16 | 3,8 |
| 4. | Kỹ năng thiết kế | 18 | 4,3 |
| 5. | Kỹ năng thuyết trình | 28 | 6,7 |
| 6. | Kỹ năng lãnh đạo quản lý | 20 | 4,8 |
| 7. | Kỹ năng tư duy sáng tạo | 58 | 13,9 |
| 8. | Kỹ năng quản lý thời gian | 6 | 1,4 |
| 9. | Kỹ năng sắp xếp và lập kế hoạch | 32 | 7,6 |
| 10. | Kỹ năng khác | 46 | 19,1 |

(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài tháng 12/2023)

Nhằm tìm kiếm việc làm sau khi ra trường, bản thân sinh viên cũng chủ động chuẩn bị hành trang cho mình. Sinh viên của Trường Đại học Công đoàn chủ động ứng dụng CNTT để học những kỹ năng như: kỹ năng tin học văn phòng, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng giao tiếp và đàm phán, kỹ năng sắp xếp và lập kế hoạch, với tỷ lệ lần lượt là 34,1%, 13,9%, 12,0 %, 7,6%. Tất nhiên sinh viên có

thể lựa chọn học tất cả các kỹ năng này thông qua các lớp học trực tuyến hoặc thông qua các diễn đàn học tập. Đây được xem là ưu điểm nổi trội của ứng dụng CNTT vào học tập của sinh viên.

Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ sinh viên ứng dụng CNTT vào học kỹ năng làm báo cáo chỉ chiếm 3,8%, kỹ năng thuyết trình khá thấp chiếm 6,7%. Kỹ năng viết báo cáo là hình thức giao tiếp bằng văn bản. Trong đó sinh viên sẽ truyền đạt thông điệp, ý tưởng của bản thân một cách rõ ràng, cụ thể về mặt nội dung, kèm theo đó là sự phân tích nội dung vấn đề qua từng câu chữ. Khả năng viết báo cáo tốt sẽ giúp sinh viên có thể trau dồi kỹ năng viết, thể hiện tốt ý tưởng bản thân. Từ đó gia tăng nhiều khả năng và cơ hội việc làm tốt trong tương lai.

Kỹ năng thuyết trình cũng là một trong các kỹ năng quan trọng đối với mỗi người. Kỹ năng thuyết trình là khả năng trình bày một cách hệ thống và rõ ràng một vấn đề trước đông người về một vấn đề nhằm mục đích thuyết phục, cung cấp thông tin hoặc tạo sức ảnh hưởng cho người nghe. Đối với sinh viên sau khi ra trường thì kỹ năng thuyết trình giúp họ có thể thể hiện tối đa giá trị bản thân trước nhà tuyển dụng. Ngoài ra kỹ năng thuyết trình tốt còn có thể giúp sinh viên có thể rèn luyện sự tự tin trước đám đông, nâng cao kỹ năng giao tiếp, có cơ hội thăng tiến nhiều hơn. Tuy nhiên, dữ liệu nghiên cứu của nhóm cho thấy sinh viên chưa thực sự biết tận dụng hoặc quan tâm đến ứng dụng CNTT cho việc học kỹ năng thuyết trình. Dữ liệu có thể là ý tưởng để gợi mở cho giảng viên mỗi khoa trong quá trình giảng dạy họ có thể hướng dẫn cho sinh viên học tập, trau dồi thêm kỹ năng giao tiếp. Hoặc có thể thành lập câu lạc bộ rèn luyện Kỹ năng giao tiếp trong sinh viên, nhằm tăng khả năng xin việc sau khi tốt nghiệp.

Không chỉ tìm hiểu mức độ ứng dụng CNTT trong học tập, nhóm nghiên cứu còn tìm hiểu mức độ hiệu quả ứng dụng công nghệ vào học tập của sinh viên Trường Đại học Công đoàn. Kết quả khảo sát được thể hiện ở bảng 6.

Kết quả khảo sát cho thấy về cơ bản sinh viên đánh giá cao khi được hỏi về hiệu quả của ứng dụng CNTT trong học tập của họ. Cụ thể hơn, sinh viên đánh giá "Tôi thấy việc học dễ dàng hơn khi có sự hỗ trợ của các công cụ tìm kiếm tài liệu" chiếm tỷ lệ cao trong khảo sát với ý kiến đồng ý và

Bảng 6: Hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập của sinh viên (Tỷ lệ %)

| STT | Đánh giá của sinh viên | Hoàn toàn không đồng ý | Không đồng ý | Bình thường | Đồng ý | Hoàn toàn đồng ý |
|-----|--|------------------------|--------------|-------------|--------|------------------|
| 1. | Tôi thấy việc học dễ dàng hơn khi có sự hỗ trợ của các công cụ tìm kiếm tài liệu | 1,9 | 1,4 | 11,5 | 28,4 | 56,7 |
| 2. | Điểm số của tôi cao hơn khi có sự hỗ trợ của các công cụ tìm kiếm tài liệu | 0,5 | 3,4 | 20,7 | 34,6 | 40,6 |
| 3. | Việc học của tôi phần lớn dựa vào việc tìm kiếm tài liệu | 1,0 | 2,9 | 34,6 | 29,8 | 31,7 |
| 4. | Tôi có thể sử dụng các tài liệu tôi tìm được một cách dễ dàng | 1,4 | 3,8 | 24,0 | 31,7 | 38,9 |
| 5. | Tôi có thể dễ dàng thu thập thông tin để viết báo cáo | 1,0 | 1,9 | 19,2 | 38,0 | 39,9 |
| 6. | Tôi có thể làm bài tập nhóm hiệu quả hơn | 1,0 | 2,4 | 15,4 | 35,1 | 46,2 |

(Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài tháng 12/2023)

hoàn toàn đồng ý là 85,1%. Có sự hỗ trợ của các công cụ tìm kiếm tài liệu là điều rất hữu ích trong học tập của sinh viên. Những thông tin sinh viên tìm kiếm qua các ứng dụng hay các nền tảng mạng xã hội, các trang web dành cho học tập và nghiên cứu là rất phong phú, đa dạng.

Sử dụng ứng dụng CNTT trong học tập còn cho thấy hiệu quả khi sinh viên cho rằng “Điểm số của tôi cao hơn khi có sự hỗ trợ của các công cụ tìm kiếm tài liệu” với tỷ lệ là 75,2%. Mức độ đồng tình của sinh viên các khoa cũng rất khác nhau. Đối với chỉ báo “Điểm số của tôi cao hơn khi có sự hỗ trợ của các công cụ tìm kiếm tài liệu” đối với sinh viên khoa Quản trị kinh doanh là 41,9%, sinh viên khoa Kế toán là 100%, trong khi đó đối với sinh viên khoa Xã hội học, khoa Du lịch là 41,7% và 33,3%.

Mặc dù có những khác biệt về đánh giá của sinh viên giữa các khoa khác nhau, nhưng nhìn chung họ đều cho rằng ứng dụng CNTT trong học tập giúp việc học của họ trở nên dễ dàng hơn.

81,3% người được hỏi trả lời rằng họ đồng ý và hoàn toàn đồng ý với ý kiến “Tôi có thể làm bài tập nhóm hiệu quả hơn” cho thấy hiệu quả của ứng dụng CNTT trong học tập một cách rõ ràng. Bởi làm bài tập nhóm là một hình thức kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của sinh viên trong hầu hết các môn học. Ứng dụng CNTT giúp sinh viên tìm kiếm tài liệu, sử dụng tài liệu đó để xây dựng thành bài tập, cùng nhau phân chia và theo dõi quá trình làm bài của nhóm và cuối cùng là trình bày trước lớp. Tóm lại, nhờ có CNTT mà sinh viên

làm bài tập hiệu quả hơn, có những phần trình bày sinh động và thích thú hơn.

3. Kết luận

Bài viết đã phân tích việc ứng dụng CNTT vào học tập của sinh viên. Ứng dụng CNTT trong học tập của sinh viên Trường Đại học Công đoàn được thể hiện qua bốn nội dung như trên. Trong đó phần lớn sinh viên nhận định là ứng dụng CNTT giúp việc học của họ trở nên dễ dàng hơn. Có một tỷ lệ nhỏ sinh viên chưa ứng dụng hiệu quả CNTT giúp tăng cường kỹ năng cho bản thân để phục vụ cho tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp. Hiệu quả của ứng dụng CNTT vào học tập rất khác biệt giữa sinh viên các khoa của Trường Đại học Công đoàn. Tự nhiên, sẽ hiệu quả hơn nếu như có sự hỗ trợ, giới thiệu các phần mềm ứng dụng trong học tập từ phía giảng viên, đồng thời cần sự hỗ trợ về cơ sở vật chất của nhà trường. □

Tài liệu tham khảo

- University of greenwich (2020), “Công nghệ thông tin là gì? Ngành công nghệ thông tin là gì?” [Online]. Available: <https://greenwich.edu.vn/cong-nghe-thong-tin-la-gi/>
- Trần Thanh Minh (2008), “Hãy cùng xem lại khái niệm "công nghệ thông tin", VNexpress [Online]. Available: <https://vnexpress.net/hay-cung-xem-lai-khai-niem-cong-nghe-thong-tin-2104769.html>
- Quốc hội (2006), “Luật Công nghệ thông tin - Luật số 67/2006/QH11”, [Online]. Available: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Cong-nghe-thong-tin/Luat-cong-nghe-thong-tin-2006-67-2006-QH11-12987.aspx>
- Trung tâm Thông tin và Đại học Văn Lang (2014), “Phương pháp học tập ở Đại học”.
- Tâm Nghiệm, “Lợi và hại Google dịch trong học tiếng Anh?”, [Online]. Available: <https://tamnghiem.edu.vn/loi-va-hai-google-dich-trong-hoc-tieng-anh/>
- CMC University, “ChatGPT và cách ứng dụng hiệu quả đối với sinh viên”, [Online]. Available: <https://cmc-u.edu.vn/chatgpt-va-cach-ung-dung-hieu-qua-doi-voi-sinh-vien-truong-dai-hoc-cmc/>
- “Ưu điểm của thư viện số so với thư viện truyền thống” (2023), [Online]. Available: <https://thuvien.lacviet.vn/vi/news/index/uu-diem-cua-thu-vien-so-so-voi-thu-vien-truyen-thong>.
- Dương Bá Khanh (2023), “Phần mềm ‘Thư viện số’ - xu hướng của thư viện tương lai,” Trường Cán bộ quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh [Online]. Available: http://www.iemh.edu.vn/xem_phan-mem-thu-vien-so-xu-huong-cua-thu-vien-tuong-lai.html
- Trần Thị Thu Ba (2016), “Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc nâng cao ý thức tự học của sinh viên khoa tiếng pháp, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế,” vol. 02, no. 38, pp. 120-129.